

THÔNG TIN TUYỂN SINH HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2026

(Cập nhật 19/5/2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo

Tiếng Việt: Học viện Chính trị Công an nhân dân

Tiếng Anh: Political Academy of the People's Public Security (viết tắt là PAPPS)

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HCA

3. Địa chỉ: thôn Lương Châu, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://hvetcand.bocongan.gov.vn/>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh: <https://hvetcand.bocongan.gov.vn/>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0243.7525297 (cán bộ tuyển sinh: đồng chí Đại úy Phạm Chiến Thắng, SĐT: 0901.722.772)

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo: <https://hvetcand.bocongan.gov.vn/>

II. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy hệ dân sự

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; đã tốt nghiệp trung học nghề và hoàn thành đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định; hoặc có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận tương đương trình độ trung học phổ thông của Việt Nam.

1.2. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Thông tin tuyển sinh này;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Không vi phạm pháp luật, không trong thời gian thi hành án, tạm hoãn hoặc bị cấm dự thi theo quy định;

- Đáp ứng các điều kiện riêng của từng phương thức xét tuyển (về học lực, điểm thi, năng lực, chứng chỉ...)

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT

- *Đối tượng:* Thí sinh đoạt giải theo quy định của Bộ GD&ĐT và thời gian đoạt giải không quá 03 (ba) năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

- *Về giải đoạt được:* Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế bậc THPT do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia môn Toán, Vật lí, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh;

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển tài năng

- Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngoại ngữ, Ngữ văn hoặc Tin học, thời gian tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia không quá 3 (ba) năm tính tới thời điểm xét tuyển; thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế, thời gian tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia không quá 3 (ba) năm tính tới thời điểm xét tuyển;

- Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đoạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Ngoại ngữ, Ngữ văn hoặc Tin học, thời gian đoạt giải không quá 3 (ba) năm tính tới thời điểm xét tuyển và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 (bảy phẩy không) trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Là học sinh chuyên của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc hệ chuyên thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Ngoại ngữ, Ngữ Văn, Tin học và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 (bảy phẩy không) trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (chứng chỉ SAT) hoặc Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (Chứng chỉ IELTS, TOEFL, TOEIC) với kết quả học tập ở bậc THPT

- Thí sinh có kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế SAT từ 900/1600 trở lên; có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 (bảy phẩy không) trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn trong thời hạn 2 (hai) năm (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.0 trở lên hoặc TOEFL IBT 35 trở lên hoặc TOEIC (L&R và S&W) 500 - 599 và 200 - 241 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 (bảy phẩy

không) trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên; Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với Test Center theo hình thức Home Edition không được chấp nhận. (Phụ lục 2)

2.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT

- Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức;
- Thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Học viện Chính trị CAND quy định;
- Tổ hợp xét tuyển: A01 (Toán, Vật Lý, Tiếng Anh), C00 (Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý), C03 (Toán, Ngữ Văn, Lịch sử), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), X02 (Toán, Ngữ văn, Tin học), X03 (Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp), X04 (Toán, Ngữ văn, Công nghệ nông nghiệp).

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy đổi ngưỡng đầu vào:

- Đối với Phương thức 2 và Phương thức 3, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.
- Đối với Phương thức 4, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là 15,00 điểm (không bao gồm điểm ưu tiên và điểm cộng).

3.2. Quy đổi điểm trúng tuyển: Học viện sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

3.3. Quy đổi giữa các tổ hợp sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT: Học viện sẽ công bố theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

4. Phạm vi và chỉ tiêu tuyển sinh

- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh toàn quốc
- Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	DS7310202	Ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước (hệ dân sự)	7310202	Ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	50	- Phương thức 1 - Phương thức 2 - Phương thức 3 - Phương thức 4 (Tổ hợp: A01, C00, C03,	

						D01, X02, X03, X04)	
--	--	--	--	--	--	------------------------	--

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng một mức điểm xét tuyển, nếu lấy hết sẽ vượt chỉ tiêu thì xét trúng tuyển theo thứ tự sau:

- + Thứ nhất, lấy thí sinh có điểm quy đổi thành tích tài năng lần lượt từ cao đến thấp;
- + Thứ hai, lấy thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, điểm xét trong từng chứng chỉ tương đương lần lượt từ cao đến thấp;
- + Thứ ba, xét thí sinh có điểm bài thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển (không tính điểm cộng), lấy từ cao xuống thấp;
- + Trường hợp xét đến hết tiêu chí trên mà vẫn vượt chỉ tiêu, khi thẩm định phương án điểm, Hội đồng tuyển sinh Học viện quyết định.

5.2. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo

Học viện không sử dụng tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo.

5.3. Các thông tin khác

- Điểm xét tuyển theo thang 30 và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
- Tất cả thí sinh (bao gồm cả thí sinh được xét tuyển thẳng) phải thực hiện đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trực tuyến, đưa tất cả nguyện vọng xét tuyển (NVXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT. Trường hợp thí sinh có nộp hồ sơ xét tuyển về Học viện nhưng không thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT thì coi như từ chối xét tuyển.
- Thí sinh lưu ý cập nhật thông tin khi có thay đổi, hiệu chỉnh, hiệu đính của Thông tin tuyển sinh này và của Bộ GD&ĐT.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian: Tuyển sinh Đợt 1 theo lịch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các Đợt tuyển sinh tiếp theo (nếu có), Học viện sẽ thông báo sau.

6.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

6.3. Tổ chức xét tuyển

6.3.1. Xét tuyển đối với thí sinh dự tuyển theo Phương thức 1

a) Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển;
- 01 Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi (nếu có) hoặc Giấy xác nhận là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự các kỳ thi (nếu có).
- 01 Bản sao công chứng Học bạ THPT đủ 3 năm học.
- 01 Bản sao công chứng căn cước/căn cước công dân.
- 01 Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT (Chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026).
- Giấy khám sức khỏe (không quá 06 tháng đến ngày nộp hồ sơ).
- Lệ phí xét tuyển: 50.000đ/hồ sơ

b) Tổ chức xét tuyển

Căn cứ chỉ tiêu được giao và số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển, Học viện Chính trị CAND tổ chức xét tuyển thẳng theo thứ tự như sau:

- + Thứ nhất, xét thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, khu vực;
- + Thứ hai, xét lần lượt thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia bậc THPT;
- + Thứ ba, xét thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia bậc THPT;
- + Thứ tư, xét thí sinh có điểm tổng kết của môn đoạt giải các năm học THPT từ cao xuống thấp.
- Trường hợp giải được xác định theo loại huy chương vàng, bạc, đồng thì huy chương vàng được xác định tương đương giải nhất, huy chương bạc tương đương giải nhì, huy chương đồng tương đương giải ba.
- Trường hợp xét hết tiêu chí trên mà vẫn vượt chỉ tiêu, khi thẩm định phương án điểm trúng tuyển, Hội đồng tuyển sinh của Học viện quyết định.

6.3.2. Xét tuyển đối với thí sinh dự tuyển theo Phương thức 2

a) Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Mẫu phiếu đăng ký có thể tải tại trang thông tin điện tử của Học viện Chính trị CAND);
- 01 Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi (nếu có) hoặc Giấy xác nhận là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự các kỳ thi (nếu có)
- 01 Bản sao công chứng Học bạ THPT đủ 3 năm học.

- 01 Bản sao công chứng căn cước/căn cước công dân.
- 01 Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT (Chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026).
- Giấy khám sức khỏe (không quá 06 tháng đến ngày nộp hồ sơ).
- Lệ phí xét tuyển: 50.000đ/hồ sơ

b) Tổ chức xét tuyển

Lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu theo điểm xét tuyển. Cách tính điểm xét tuyển như sau:

$$\mathbf{ĐXT = M1 + M2 + M3 + ĐƯT (nếu có)}$$

Trong đó:

- + ĐXT: điểm xét tuyển
- + M1: điểm trung bình chung 03 năm học THPT của môn Ngữ Văn
- + M2: điểm trung bình chung 03 năm học THPT cao nhất của các môn Toán, Vật Lý, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lý, Tin học, Công nghệ công nghiệp, Công nghệ nông nghiệp
- + M3: điểm quy đổi thành tích tài năng (theo Phụ lục 1)
- + ĐƯT: điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT
- + Điểm xét được làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy.

6.3.3. Xét tuyển đối với thí sinh dự tuyển theo Phương thức 3

a) Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Mẫu phiếu đăng ký có thể tải tại trang thông tin điện tử của Học viện Chính trị CAND);
- 01 Bản sao công chứng Học bạ THPT đủ 3 năm học.
- 01 Bản sao được chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận chứng chỉ quốc tế của thí sinh
- 01 Bản sao công chứng căn cước/căn cước công dân.
- 01 Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT (Chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026).
- Giấy khám sức khỏe (không quá 06 tháng đến ngày nộp hồ sơ).
- Lệ phí xét tuyển: 50.000đ/hồ sơ

b) Tổ chức xét tuyển

Lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu theo điểm xét tuyển. Cách tính điểm xét tuyển như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{M1} + \text{M2} + \text{M3} + \text{ĐU'T (nếu có)}$$

Trong đó:

- + ĐXT: điểm xét tuyển
- + M1: điểm trung bình chung 03 năm học THPT của môn Ngữ Văn
- + M2: điểm trung bình chung 03 năm học THPT cao nhất của các môn Toán, Vật Lý, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lý, Tin học, Công nghệ công nghiệp, Công nghệ nông nghiệp
- + M3: điểm quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế (theo Phụ lục 2)
- + ĐU'T: điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT
- + Điểm xét được làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy.

6.3.4. Xét tuyển đối với thí sinh dự tuyển theo Phương thức 4

a) Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

Không yêu cầu hồ sơ dự tuyển đối với phương thức này. Thí sinh đăng ký dự tuyển trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

b) Tổ chức xét tuyển

Lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu theo điểm xét tuyển. Cách tính điểm xét tuyển như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{M1} + \text{M2} + \text{M3} + \text{ĐU'T (nếu có)}$$

Trong đó:

- + ĐXT: điểm xét tuyển
- + M1, M2, M3: điểm 03 môn thi THPT thuộc tổ hợp môn xét tuyển vào Học viện
- + ĐU'T: điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT
- + Thí sinh có chứng chỉ quốc tế có thể được quy đổi điểm thay cho điểm thi môn ngoại ngữ tương ứng để xét tuyển theo tổ hợp có môn ngoại ngữ trong tổ hợp (theo Phụ lục 2);
- + Điểm xét được làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy.

6.3.5. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ xét tuyển:

- Tiếp nhận hồ sơ từ ngày 15/05/2026 đến 17h00' ngày 14/7/2026 (kết thúc đợt 1) và dự kiến tiếp tục nhận hồ sơ đợt bổ sung nếu có;

+ Địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Phòng Quản lý đào tạo và bồi dưỡng nâng cao, Học viện Chính trị CAND.

Địa chỉ: thôn Lương Châu, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0901.722.772.

Lưu ý: Hồ sơ đăng ký xét tuyển nộp cho Học viện, thí sinh có thể nộp trực tiếp tại trụ sở Học viện hoặc nộp theo đường bưu điện, chuyển phát nhanh, chuyển phát ưu tiên.

6.3.6. Thời gian công bố thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển: Theo lịch của Bộ GD&ĐT

6.3.7. Xét tuyển bổ sung

- Trong trường hợp không xét tuyển đủ chỉ tiêu được giao, thí sinh trúng tuyển nhưng không xác nhận nhập học thì Học viện Chính trị CAND sẽ tổ chức xét tuyển bổ sung.
- Học viện Chính trị CAND sẽ ra thông báo tuyển sinh bổ sung và công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện.

7. Chính sách ưu tiên

- Điểm ưu tiên thực hiện theo quy định về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh tại Điều 7 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng. Trong đó, điểm ưu tiên khu vực chỉ áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm 2026 hoặc năm 2025 (**các thí sinh tốt nghiệp THPT các năm từ 2024 trở về trước không được cộng điểm ưu tiên khu vực**).
- Điểm ưu tiên tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số).
- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,50] x (ĐU'T KV + ĐU'T ĐT)

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo thông báo của Học viện.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Học viện Chính trị CAND cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

10. Các nội dung khác

10.1. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo thông báo cập nhật của Học viện.

10.2. Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy, lộ trình tăng học phí tối đa

Học phí đại học chính quy chương trình chuẩn năm học 2026-2027 là: 1.910.000 đồng/01 tháng.

Trên đây là thông tin tuyển sinh đại học hệ dân sự năm 2026 của Học viện Chính trị CAND./.

PHỤ LỤC 1

BẢNG TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI ĐỐI VỚI XÉT TUYỂN

THEO PHƯƠNG THỨC 2

TT	Nội dung	Minh chứng	Mức điểm quy đổi (theo thang điểm 10)			
			8,5	9,0	9,5	10
1	Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế	Giấy xác nhận là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự các kỳ thi				Tham gia kỳ thi chọn đội tuyển
1	Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế	Giấy xác nhận là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự các kỳ thi				Tham gia đội tuyển
1	Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Giấy chứng nhận đoạt giải trong kỳ thi				Khuyến khích
1	Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Giấy chứng nhận đoạt giải trong kỳ thi	Khuyến khích	Ba	Nhi	Nhất
1	Thí sinh là học sinh chuyên của các trường THPT chuyên	Điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12	7,00 - 7,99	8,00 - 8,79	8,80 - 9,39	9,40 - 10,00

PHỤ LỤC 2

Bảng tính điểm quy đổi đối với xét tuyển theo Phương thức 3

1. Quy đổi tương đương các chứng chỉ quốc tế

TT	IELTS (Academic)	TOEFL iBT	TOEIC (L&R & S&W)	SAT
1	9.0	118-120	945-990 và 376-400	1500-1600
2	8.5	115-117	945-990 và 351-375	1500-1600
3	8.0	110-114	900-944 và 325-350	1400-1499
4	7.5	102-109	850-899 và 300-324	1400-1499
5	7.0	94-101	785-849 và 286-299	1300-1399
6	6.5	79-93	730-784 và 271-285	1200-1299
7	6.0	60-78	680-729 và 257-270	1100-1199
8	5.5	46-59	600-679 và 242-256	1000-1099
9	5.0	35-45	500-599 và 200-241	900-999

2. Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

IELTS	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0
Điểm quy đổi	7.0	7.5	8.0	8.5	9.5	10	10	10	10

Ghi chú: Chứng chỉ được cấp bởi các đơn vị, tổ chức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép, không sử dụng chứng chỉ phiên bản Home Edition./.

BỘ CÔNG AN
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ CAND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH XDD VÀ CQNN

(Ảnh 3x4)

HỆ DÂN SỰ - NĂM 2026

Phương thức 2: Xét tuyển tài năng

1. Họ tên thí sinh (Viết chữ in hoa).....
2. Giới tính (Nam/Nữ):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Dân tộc:..... 5. Đối tượng ưu tiên..... 6. Khu vực ưu tiên:
7. Số CC/CCCD:
8. Nơi sinh (tỉnh, thành phố):.....
9. Năm tốt nghiệp THPT:
10. Năm đoạt giải (nếu có):.....
- Cấp đoạt giải (quốc gia/tỉnh, thành phố).....
- Giải đoạt được:..... Môn đoạt giải.....
11. Tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia năm Môn:.....
12. Tên trường thí sinh theo học ở bậc trung học phổ thông:
Năm lớp 10: Trường:..... , Điểm TBC:..... , Hạnh kiểm:.....
Năm lớp 11: Trường:..... , Điểm TBC:..... , Hạnh kiểm:.....
Năm lớp 12: Trường:..... , Điểm TBC:..... , Hạnh kiểm:.....
13. Kết quả học tập trung học phổ thông của thí sinh

Môn học xét tuyển	Điểm trung bình môn Lớp 10	Điểm trung bình môn Lớp 11	Điểm trung bình môn Lớp 12
Môn 1: Ngữ văn			
Môn 2* :			

* Thí sinh chọn môn học có điểm trung bình chung 03 năm học THPT cao nhất trong các môn Toán, Vật Lý, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lý, Tin học, Công nghệ công nghiệp, Công nghệ nông nghiệp

14. Số báo danh trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (nếu có):.....

15. Số điện thoại..... 16. Email:.....

17. Địa chỉ nhận kết quả xét tuyển (Ghi đầy đủ địa chỉ số nhà, phường/xã, tỉnh/thành phố):.....

....., ngày.....tháng.....năm 2026

XÁC NHẬN CỦA THÍ SINH

(ký, ghi rõ họ tên)

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ CAND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH XDD VÀ CQNN

HỆ DÂN SỰ - NĂM 2026

(Ảnh 3x4)

Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (chứng chỉ SAT) hoặc Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (Chứng chỉ IELTS, TOEFL, TOEIC) với kết quả học tập ở bậc trung học THPT

1. Họ tên thí sinh (Viết chữ in hoa):.....

2. Giới tính (Nam/Nữ):.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:.....

4. Dân tộc:..... 5. Đối tượng ưu tiên:..... 6. Khu vực ưu tiên:

7. Số CC/CCCD:

8. Nơi sinh (tỉnh, thành phố):.....

9. Năm tốt nghiệp THPT:

10. Tên chứng chỉ quốc tế:..... Điểm.....

12. Tên trường thí sinh theo học ở bậc trung học phổ thông:

Năm lớp 10: Trường:..... , Điểm TBC:..... , Hạnh kiểm:.....

Năm lớp 11: Trường:..... , Điểm TBC:..... , Hạnh kiểm:.....

Năm lớp 12: Trường:..... , Điểm TBC:..... , Hạnh kiểm:.....

13. Kết quả học tập trung học phổ thông của thí sinh

Môn học xét tuyển	Điểm trung bình môn Lớp 10	Điểm trung bình môn Lớp 11	Điểm trung bình môn Lớp 12
Môn 1: Ngữ văn			
Môn 2* :			

* Thí sinh chọn môn học có điểm trung bình chung 03 năm học THPT cao nhất trong các môn Toán, Vật Lý, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lý, Tin học, Công nghệ công nghiệp, Công nghệ nông nghiệp

14. Số báo danh trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (nếu có):.....

15. Số điện thoại..... 16. Email:.....

17. Địa chỉ nhận kết quả xét tuyển (Ghi đầy đủ địa chỉ số nhà, phường/xã, tỉnh/thành phố):.....

....., ngày.....tháng.....năm 2026

XÁC NHẬN CỦA THÍ SINH

(ký, ghi rõ họ tên)